

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

Handwritten signature and red stamp on the right margin. The stamp contains the text: "01/9", "N P", "NG", "DU", and "NON".

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

02008

HÔNG
CHỨNG
IM TÀI

HỮU-T.P

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 12 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được kiểm toán.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

32019
AN P
ÔNG
CHU K
KHON P

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di động")

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.063.191.892.772	42.189.953.366.083
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.780.128.276.727	4.139.929.685.549
111	1. Tiền		3.580.128.276.727	3.569.861.411.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	570.068.273.950
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.463.430.958.687	15.742.181.273.443
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.463.430.958.687	15.742.181.273.443
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.005.016.206.176	3.600.944.215.409
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	241.768.864.731	298.857.679.542
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.625.724.817	16.957.267.892
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.198.000.000.000	1.171.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.557.621.616.628	2.113.211.570.337
140	IV. Hàng tồn kho	10	18.445.615.872.295	18.238.043.618.563
141	1. Hàng tồn kho		18.868.713.558.233	18.442.492.515.483
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		369.000.578.887	468.854.573.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	274.785.229.426	310.030.195.860
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	94.214.349.461	143.251.383.739
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	1.000.000	15.572.993.520
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.408.951.274.697	4.237.591.135.973
210	I. Phải thu dài hạn		256.707.860.908	324.827.012.847
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	9.244.973.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	256.707.860.908	315.582.039.518
220	II. Tài sản cố định		1.625.231.472.209	3.062.528.496.166
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.561.763.906.070	2.993.708.260.365
222	Nguyên giá		9.938.145.643.754	10.789.824.684.113
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.376.381.737.684)	(7.796.116.423.748)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	63.467.566.139	68.820.235.801
228	Nguyên giá		90.297.772.827	90.297.772.827
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.830.206.688)	(21.477.537.026)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.941.859.483	2.901.089.795
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.941.859.483	2.901.089.795
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		242.035.797.830	746.632.252.729
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	16	242.035.797.830	286.632.252.729
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	460.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		280.034.284.267	100.702.284.436
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	26.054.627.592	43.199.790.471
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	253.979.656.675	57.502.493.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		49.472.143.167.469	46.427.544.502.056

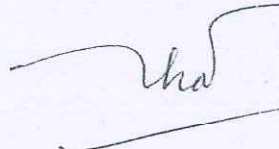
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.955.725.943.070	27.873.959.220.523
310	I. Nợ ngắn hạn		29.955.725.943.070	25.984.509.220.523
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.325.109.928.640	5.457.040.214.493
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		88.506.854.304	88.981.737.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	585.548.459.406	338.532.122.289
314	4. Phải trả người lao động		141.425.441.000	160.097.227.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.109.806.224.937	717.902.028.329
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.723.198.012	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	683.193.526.335	737.353.676.846
320	8. Vay ngắn hạn	21	19.930.172.643.525	18.416.666.409.682
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		70.239.666.911	67.935.804.338
330	II. Nợ dài hạn		-	1.889.450.000.000
338	1. Vay dài hạn	21	-	1.889.450.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.516.417.224.399	18.553.585.281.533
410	I. Vốn chủ sở hữu		19.516.417.224.399	18.553.585.281.533
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.1	-	3.739.030.306
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	15.154.898.414.399	14.188.327.441.227
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		11.438.327.441.232	12.842.826.235.418
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		49.472.143.167.469	46.427.544.502.056

1083-C
NG
ỨNG
TÂM
P. HỒ CHÍ MINH


Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	94.240.556.174.175	87.776.539.363.119
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	93.356.607.723.985	86.822.142.993.475
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(76.267.199.511.301)	(72.403.597.338.351)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.089.408.212.684	14.418.545.655.124
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.673.177.566.415	1.707.166.695.280
22	7. Chi phí tài chính	25	(700.525.805.609)	(1.082.011.569.400)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(698.026.126.670)	(1.079.340.781.938)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh		(44.596.454.899)	-
25	9. Chi phí bán hàng	26, 28	(10.476.983.983.071)	(12.106.242.047.179)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(2.456.442.534.973)	(933.421.452.736)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.084.037.000.547	2.004.037.281.089
31	12. Thu nhập khác		19.561.273.875	25.533.291.460
32	13. Chi phí khác	27	(357.083.845.173)	(230.283.672.260)
40	14. Lỗ khác		(337.522.571.298)	(204.750.380.800)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.226.420.618.792)	(393.496.576.363)
52	17. Thu nhập (chí phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	196.477.162.710	(60.289.118.117)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	8.521	3.085
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31		3.085

Thảo

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026



Đoàn Văn Hiểu Em
Tổng Giám đốc



T.H.Đ. * H.N.H.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	1.086.316.535.865	1.449.207.883.056
03	Dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		220.952.651.591	(165.930.068.134)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.133.542)	(368.727.798)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.104.545.913.764)	(1.305.206.744.891)
06	Chi phí lãi vay	25	698.026.126.670	1.079.340.781.938
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.647.159.696.069	2.856.330.024.460
09	Giảm các khoản phải thu		332.280.519.604	580.300.892.931
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(426.288.336.665)	4.011.323.151.278
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.270.686.564.790	(3.302.470.753.718)
12	Giảm chi phí trả trước		52.414.720.963	125.916.897.642
14	Tiền lãi vay đã trả		(700.748.020.023)	(1.095.134.298.420)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(932.426.715.489)	(818.968.881.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.243.078.429.249	2.357.297.032.409
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(75.317.052.553)	(316.883.339.058)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22.045.328.209	7.356.066.690
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(36.083.817.752.133)	(27.504.613.656.928)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		30.805.730.737.856	18.221.485.675.908
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(105.597.412.729)
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.854.318.533.160	893.148.723.318
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.477.040.205.461)	(8.805.103.942.799)

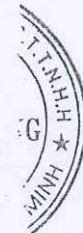
N P
 NG
 UK
 ON PH

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	72.369.835.479.230	69.600.847.575.387
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(72.745.779.245.387)	(62.188.354.104.759)
36	Cổ tức đã trả	22.1	(2.749.999.999.995)	(200.009.999.795)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(3.125.943.766.152)	7.212.483.470.833
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(359.905.542.364)	764.676.560.443
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.139.929.685.549	3.374.884.397.308
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.133.542	368.727.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.780.128.276.727	4.139.929.685.549



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0303217354, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (“An Khang”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.139 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.897).

Cơ cấu tổ chức

Nhóm Công ty có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên doanh đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	99,99	99,99
(2) MWG (Cambodia) Co., Ltd (*)	Phnôm Pênh, Campuchia	Quản lý đầu tư	Ngưng hoạt động	100	100
Công ty liên doanh					
(3) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm, với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay | - giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh |
| Thiết bị điện tử | - giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh |
| Phụ kiện | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thiết bị gia dụng | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thiết bị y tế | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Hóa mỹ phẩm | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Dược Phẩm | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Vitamin và thực phẩm chức năng | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Khác | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Handwritten notes and stamps on the right margin, including a red stamp with the letters 'UK' and some illegible text.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

20083
HÔNG
HỨNG
TÂM
T.P. HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền mặt	254.936.869.384	690.488.404.507
Tiền gửi ngân hàng	3.264.205.303.902	2.485.297.643.987
Tiền đang chuyển	60.986.103.441	394.075.363.105
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	200.000.000.000	570.068.273.950
TỔNG CỘNG	3.780.128.276.727	4.139.929.685.549

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.214.114.712.329	13.120.937.575.725
Đầu tư khác (ii)	6.249.316.246.358	2.621.243.697.718
TỔNG CỘNG	19.463.430.958.687	15.742.181.273.443

- (i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.
- (ii) Đầu tư khác hạn thể hiện các khoản trái phiếu nắm giữ và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu khách hàng	226.617.206.822	284.029.140.774
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	82.179.250.662	199.794.423.211
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	59.659.077.990	26.813.575.632
- Khác	84.778.878.170	57.421.141.931
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	15.151.657.909	14.828.538.768
TỔNG CỘNG	241.768.864.731	298.857.679.542

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	3.720.667.458	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Dịch vụ Hữu Nghĩa	709.403.702	820.229.212
Công ty TNHH Sài Gòn CPA	683.167.648	-
Khác	2.512.486.009	16.137.038.680
TỔNG CỘNG	7.625.724.817	16.957.267.892



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	1.033.855.581.408	1.212.650.244.199
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	177.001.918.901	57.480.162.078
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	123.491.899.918	154.622.689.360
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	95.772.412.644	200.572.240.839
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	78.168.874.253	96.902.946.152
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	76.666.694.500	86.026.845.242
- Khác	482.753.781.192	617.045.360.528
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	473.574.535.117	832.018.042.107
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	31.135.618.662	48.045.850.062
Khác	19.055.881.441	20.497.433.969
TỔNG CỘNG	1.557.621.616.628	2.113.211.570.337

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Điện thoại di động	6.308.558.749.355	5.623.974.610.449
Thiết bị điện tử	5.642.433.998.542	5.791.135.171.256
Thiết bị gia dụng	2.987.823.278.813	3.702.477.887.428
Máy tính xách tay	1.394.857.344.900	952.381.256.823
Phụ kiện	1.135.937.046.238	752.359.819.674
Dược phẩm	430.955.064.491	485.534.305.999
Máy tính bảng	246.873.698.461	141.086.706.363
Đồng hồ, mắt kính	183.440.081.019	230.045.847.634
Vitamin và thực phẩm chức năng	114.364.004.984	180.432.225.826
Mỹ phẩm	42.489.932.374	72.970.752.535
Trang thiết bị y tế cá nhân	30.178.422.899	37.202.860.965
Hàng hóa khác	350.801.936.157	472.891.070.531
TỔNG CỘNG	18.868.713.558.233	18.442.492.515.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.445.615.872.295	18.238.043.618.563

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)	(204.448.896.920)	(362.053.661.404)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	204.448.896.920	362.053.661.404
Số dư cuối năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	274.785.229.426	310.030.195.860
Chi phí thuê cửa hàng	263.916.355.612	286.129.915.743
Công cụ, dụng cụ	3.481.921.978	4.345.055.339
Chi phí thiết kế cửa hàng	1.845.561.507	973.028.523
Khác	5.541.390.329	18.582.196.255
Dài hạn	26.054.627.592	43.199.790.471
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.510.473.848	19.790.796.692
Chi phí thuê cửa hàng	7.677.687.318	8.989.182.285
Công cụ, dụng cụ	3.842.218.515	14.156.742.317
Khác	2.024.247.911	263.069.177
TỔNG CỘNG	<u>300.839.857.018</u>	<u>353.229.986.331</u>

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	9.469.648.080.826	296.532.644.251	1.023.643.959.036	10.789.824.684.113
Mua trong năm	5.824.149.008	-	6.136.944.600	11.961.093.608
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.532.033.332	-	1.272.758.000	9.804.791.332
Thanh lý	(771.517.012.997)	(1.527.228.600)	(100.376.092.052)	(873.420.333.649)
Khác	(111.397.733)	-	86.806.083	(24.591.650)
Số cuối năm	8.712.375.852.436	295.005.415.651	930.764.375.667	9.938.145.643.754
Trong đó:				
- Đã khấu hao hết	5.011.954.251.358	106.116.661.426	747.745.538.556	5.865.816.451.340
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(6.723.058.417.124)	(192.881.793.488)	(880.176.213.136)	(7.796.116.423.748)
Khấu hao trong năm	(969.186.939.946)	(34.013.327.703)	(77.763.598.554)	(1.080.963.866.203)
Thanh lý	416.939.743.156	1.058.825.004	82.699.984.107	500.698.552.267
Phân loại lại	28.566.883	-	(28.566.883)	-
Số cuối năm	(7.275.277.047.031)	(225.836.296.187)	(875.268.394.466)	(8.376.381.737.684)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	2.746.589.663.702	103.650.850.763	143.467.745.900	2.993.708.260.365
Số cuối năm	1.437.098.805.405	69.169.119.464	55.495.981.201	1.561.763.906.070

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Thương hiệu	VND
Số đầu năm (chưa kiểm toán) và số cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	53.526.696.627	90.297.772.827
Giá trị khấu hao lũy kế	-	(10.772.197.700)	(10.705.339.326)	(21.477.537.026)
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	-	-	(5.352.669.662)	(5.352.669.662)
Hao mòn trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	(10.772.197.700)	(16.058.008.988)	(26.830.206.688)
Giá trị còn lại	25.998.878.500	-	42.821.357.301	68.820.235.801
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139
Số cuối năm	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	(chưa kiểm toán) VND
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	<u>242.035.797.830</u>	<u>286.632.252.729</u>

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND
	Era Blu
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm (chưa kiểm toán) và số cuối năm	<u>286.632.252.729</u>
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	-
Phần lỗ từ công ty liên doanh trong năm	<u>(44.596.454.899)</u>
Số cuối năm	<u>(44.596.454.899)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	<u>286.632.252.729</u>
Số cuối năm	<u>242.035.797.830</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠ

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán	6.107.082.569.290	6.107.082.569.290	5.399.379.883.359	5.399.379.883.359	
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	494.430.598.816	494.430.598.816	139.020.442.642	139.020.442.642	
- Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam	368.233.274.979	368.233.274.979	234.769.239.766	234.769.239.766	
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	330.376.839.713	330.376.839.713	337.324.152.646	337.324.152.646	
- Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	328.278.198.699	328.278.198.699	98.858.065.553	98.858.065.553	
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam	319.793.975.590	319.793.975.590	374.086.979.559	374.086.979.559	
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	307.039.995.338	307.039.995.338	147.460.522.918	147.460.522.918	
- Khác	3.958.929.686.155	3.958.929.686.155	4.067.860.480.275	4.067.860.480.275	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	218.027.359.350	218.027.359.350	57.660.331.134	57.660.331.134	
TỔNG CỘNG	6.325.109.928.640	6.325.109.928.640	5.457.040.214.493	5.457.040.214.493	

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)		VND
	Giá trị	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Phải thu	143.251.383.739	14.785.385.139.928	(14.834.422.174.206)	94.214.349.461	
Thuế giá trị gia tăng	15.572.993.520	758.307.949	(16.330.301.469)	1.000.000	
Khác	158.824.377.259	14.786.143.447.877	(14.850.752.475.675)	94.215.349.461	
Phải nộp	109.213.830.951	1.226.420.618.792	(932.426.715.489)	403.207.734.254	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	213.102.991.048	13.027.615.458.842	(13.066.809.578.315)	173.908.871.575	
Thuế giá trị gia tăng	14.974.750.671	155.637.639.641	(162.842.046.119)	7.770.344.193	
Thuế thu nhập cá nhân	1.240.549.619	16.585.442.507	(17.164.482.742)	661.509.384	
Thuế khác	338.532.122.289	14.426.259.159.782	(14.179.242.822.665)	585.548.459.406	
TỔNG CỘNG	338.532.122.289	14.426.259.159.782	(14.179.242.822.665)	585.548.459.406	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Thưởng nhân viên	1.539.705.905.611	375.220.914.647
Chi phí tiếp thị quảng cáo	224.958.196.974	109.087.969.621
Chi phí hỗ trợ lãi suất	118.426.634.122	77.444.151.629
Các khoản phải trả nhân viên	81.764.402.600	18.734.705.984
Chi phí lãi vay	55.467.614.302	42.248.256.967
Chi phí tiện ích	51.253.024.056	64.793.599.570
Khác	38.230.447.272	30.372.429.911
TỔNG CỘNG	2.109.806.224.937	717.902.028.329

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Thu hộ cước phí	421.731.560.848	575.274.027.527
Phiếu mua hàng	108.650.944.688	50.838.045.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	66.866.726.070	49.522.560.143
Nhận ký quỹ	21.240.000.000	21.728.005.685
Lãi vay bên liên quan	-	15.941.250.688
Khác	64.704.294.729	24.049.787.803
TỔNG CỘNG	683.193.526.335	737.353.676.846
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>665.974.220.408</i>	<i>718.466.193.846</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>17.219.305.927</i>	<i>18.887.483.000</i>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	18.416.666.409.682	72.077.435.479.230	(70.563.929.245.387)	19.930.172.643.525
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	18.416.666.409.682	72.077.435.479.230	(70.563.929.245.387)	19.930.172.643.525
Vay dài hạn	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
TỔNG CỘNG	20.306.116.409.682	72.369.835.479.230	(72.745.779.245.387)	19.930.172.643.525
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ				19.930.172.643.525
Vay ngắn hạn	18.416.666.409.682			
Vay dài hạn	1.889.450.000.000			

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	<u>19.930.172.643.525</u>	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND			
	Số đầu năm	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước (chưa kiểm toán)				
Số đầu năm	4.361.518.810.000	2.018.724.567	13.042.836.235.213	17.406.373.769.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.345.501.205.809	1.345.501.205.809
Chênh lệch tỷ giá	-	1.720.305.739	-	1.720.305.739
Chia cổ tức	-	-	(200.009.999.795)	(200.009.999.795)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	18.553.585.281.533
Năm nay				
Số đầu năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	18.553.585.281.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.716.570.973.167	3.716.570.973.167
Chênh lệch tỷ giá	-	(3.739.030.306)	-	(3.739.030.306)
Chia cổ tức (i)	-	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	19.516.417.224.399

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 2.749.999.999.995 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 19 tháng 3 năm 2024; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 9 năm 2024 và 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 1 tháng 11 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đã góp

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	435.910.240	99,94	435.910.240	99,94
Các cá nhân	241.641	0,06	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	436.151.881	100,00	436.151.881	100,00

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng doanh thu	94.240.556.174.175	87.776.539.363.119
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	93.699.151.069.492	87.183.597.001.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.405.104.683	592.942.361.509
Các khoản giảm trừ doanh thu	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Hàng bán bị trả lại	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Doanh thu thuần	93.356.607.723.985	86.822.142.993.475
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	92.815.202.619.302	86.229.200.631.966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.405.104.683	592.942.361.509

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	1.495.875.026.170	1.533.873.933.307
Chiết khấu thanh toán	174.720.514.674	170.384.310.761
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302.031.614	1.673.382.716
Khác	1.279.993.957	1.235.068.496
TỔNG CỘNG	1.673.177.566.415	1.707.166.695.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	<u>76.267.199.511.301</u>	<u>72.403.597.338.351</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	698.026.126.670	1.079.340.781.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.577.797	-
Khác	2.409.101.142	2.670.787.462
TỔNG CỘNG	<u>700.525.805.609</u>	<u>1.082.011.569.400</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí bán hàng	10.476.983.983.071	12.106.242.047.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.459.677.407.059	6.245.776.046.361
Chi phí nhân viên	3.759.056.713.675	4.275.293.334.672
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.086.144.209.649	1.446.572.143.594
Khác	172.105.652.688	138.600.522.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.456.442.534.973	933.421.452.736
Chi phí nhân viên	1.892.183.682.291	491.671.069.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	507.349.064.478	427.072.537.264
Chi phí khấu hao và hao mòn	172.326.216	2.635.739.462
Khác	56.737.461.988	12.042.106.383
TỔNG CỘNG	<u>12.933.426.518.044</u>	<u>13.039.663.499.915</u>

27. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Thanh lý tài sản cố định	346.732.657.507	227.192.237.649
Khác	10.351.187.666	3.091.434.611
TỔNG CỘNG	<u>357.083.845.173</u>	<u>230.283.672.260</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	76.267.199.511.301	72.403.597.338.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.967.026.471.537	6.672.848.583.625
Chi phí nhân viên	5.651.240.395.966	4.766.964.404.299
Chi phí khấu hao, hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	1.086.316.535.865	1.449.207.883.056
Chi phí khác	228.843.114.676	150.642.628.936
TỔNG CỘNG	<u>89.200.626.029.345</u>	<u>85.443.260.838.266</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN	1.231.137.391.667	392.696.324.328
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.226.420.618.792 (196.477.162.710)	393.496.576.363 60.289.118.117
TỔNG CỘNG	<u>1.029.943.456.082</u>	<u>453.785.694.480</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	949.302.885.850	359.857.380.058
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ từ các công ty con	73.688.330.722	88.181.107.307
Lỗ từ công ty liên doanh	8.919.290.980	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.679.187.472	3.876.421.147
Phân bổ lãi từ giao dịch mua rẻ	1.070.533.933	1.070.533.933
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.029.943.456.082	453.785.694.480

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	VND			
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Các khoản chi phí phải trả	144.812.651.110	-	144.812.651.110	(30.116.274.400)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84.619.537.188	40.889.779.384	43.729.757.804	(31.520.952.897)
Dự phòng chi phí bảo hành	14.047.933.382	13.587.160.869	460.772.513	(1.665.060.697)
Dự phòng chi phí khấu hao	6.175.722.101	3.099.299.272	3.076.422.829	3.099.299.272
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.344.639.602	-	4.344.639.602	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.826.708)	(73.745.560)	52.918.852	(86.129.395)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	253.979.656.675	57.502.493.965	196.477.162.710	(60.289.118.117)
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại			196.477.162.710	(60.289.118.117)

29.4 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản lỗ tính thuế ước tính còn lại để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma					
2019	2024	5.947.497.325	-	(5.947.497.325)	-
2020	2025	6.437.846.862	-	-	6.437.846.862
2022	2027	306.214.502.293	-	-	306.214.502.293
2023	2028	342.942.200.944	-	-	342.942.200.944
2024	2029	347.656.048.632	-	-	347.656.048.632
TỔNG CỘNG		1.009.198.096.056	-	(5.947.497.325)	1.003.250.598.731

Các khoản lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế, chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm (“CIRM JSC”)	Công ty cùng Tập đoàn
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(chưa kiểm toán)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức	2.748.476.418.927	199.899.193.902
	Thanh toán vay	2.181.850.000.000	1.726.350.000.000
	Vay	292.400.000.000	999.600.000.000
	Lãi vay	79.322.775.940	237.895.991.666
CIRM JSC	Mua dịch vụ	1.729.549.593.544	1.582.206.929.077
	Mua hàng hóa	463.353.422.465	342.977.334.396
	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.716.400.000	24.217.656.691
	Bán tài sản cố định	636.753.358	410.577.535
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	488.665.818.561	399.653.248.000
	Mua dịch vụ	10.976.934.322	5.978.807.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	232.836.788.855	215.436.353.648
	Bán dịch vụ	22.451.542.601	159.512.587.353
	Mua dịch vụ	23.664.451.617	-
	Chi phí điện	7.499.534.260	-
	Bán tài sản cố định	1.812.709.581	273.481.835
	Mua tài sản cố định	1.152.583.342	2.217.870.330
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Mua hàng hóa	594.444	593.291.822
	Chi phí thuê	80.299.356.385	120.564.793.840
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Mua dịch vụ	-	228.680.753.622
	Bán dịch vụ	-	29.167.061.703
	Mua hàng hóa	-	310.090.998
	Bán tài sản cố định	-	45.895.059

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i> <i>(chưa kiểm toán)</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	15.055.043.664	14.724.762.524
CIRM JSC	Bán hàng hóa	96.614.245	103.776.244
		15.151.657.909	14.828.538.768
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Cho thuê Chi hộ	14.119.569.377	-
		3.674.261.934	29.733.662.164
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	8.092.456.265	11.651.666.649
CIRM JSC	Dịch vụ khác	4.333.954.056	6.649.275.926
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	915.377.030	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Chi hộ	-	11.245.323
		31.135.618.662	48.045.850.062
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
CIRM JSC	Mua dịch vụ	153.304.334.357	16.597.691
	Mua công cụ, dụng cụ	2.123.687.956	24.489.888
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	56.719.498.474	52.048.094.585
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.473.324.841	4.268.254.321
	Mua dịch vụ	406.513.722	714.988.980
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thuê cửa hàng	-	587.905.669
		218.027.359.350	57.660.331.134

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i> <i>(chưa kiểm toán)</i>
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	16.586.301.424	75.747.241
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	620.202.279	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	12.802.224	2.870.485.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Lãi vay	-	15.941.250.689
		<u>17.219.305.927</u>	<u>18.887.483.000</u>

Vay dài hạn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Vay	-	<u>1.889.450.000.000</u>
---	-----	---	--------------------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(chưa kiểm toán)</i>
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	230.080.000
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.711.436.506	1.075.834.076
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	584.280.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	851.893.154	562.348.000
TỔNG CỘNG		<u>2.563.329.660</u>	<u>2.452.542.076</u>

(trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>436.151.881</u>	<u>436.151.881</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.521	3.085

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Đến 1 năm	2.222.354.638.429	2.595.903.014.351
Từ 1 đến 5 năm	6.210.842.143.143	7.875.749.115.006
Trên 5 năm	<u>1.983.888.658.902</u>	<u>3.311.001.462.136</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.417.085.440.474</u>	<u>13.782.653.591.493</u>

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- ▶ Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm: điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác; và
- ▶ Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm: dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Ngành hàng điện tử và gia dụng	Ngành hàng dược mỹ phẩm	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	91.084.897.338.108	2.271.710.385.877	-	93.356.607.723.985
Giữa các bộ phận	15.339.703.668	6.537.037	(15.346.240.705)	
Tổng cộng doanh thu	91.100.237.041.776	2.271.716.922.914	(15.346.240.705)	93.356.607.723.985
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.634.170.192.351	455.238.020.333	-	17.089.408.212.684
Chi phí không phân bổ				(12.933.426.518.044)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				4.155.981.694.640
Doanh thu hoạt động tài chính				1.673.177.566.415
Chi phí tài chính				(700.525.805.609)
Phản lỗ trong công ty liên doanh				(44.596.454.899)
Lỗ khác				(337.522.571.298)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.746.514.429.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.226.420.618.792)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				196.477.162.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				3.716.570.973.167
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	48.153.184.772.990	1.363.554.849.378	-	49.516.739.622.368
Tài sản không phân bổ				(44.596.454.899)
Tổng tài sản				49.472.143.167.469
Nợ phải trả của bộ phận	29.647.026.070.697	308.699.872.373	-	29.955.725.943.070
Tổng nợ phải trả				29.955.725.943.070

VND

Tổng cộng

PHỤ-L
KIM
G C
PH
2019
K/NH

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Điện thoại di động, máy tính và thiết bị điện tử	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm trước (chưa kiểm toán)				VND
<i>Doanh thu</i>				
Từ bán hàng ra bên ngoài	84.622.414.485.269	2.199.728.508.206	-	86.822.142.993.475
Giữa các bộ phận	17.637.269.262	63.807.851	(17.701.077.113)	
Tổng cộng doanh thu	84.640.051.754.531	2.199.792.316.057	(17.701.077.113)	86.822.142.993.475
Lợi nhuận gộp của bộ phận	13.937.051.816.458	481.493.838.666	-	14.418.545.655.124
Chi phí không phân bổ				(13.039.663.499.915)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				1.378.882.155.209
Doanh thu hoạt động tài chính				1.707.166.695.280
Chi phí tài chính				(1.082.011.569.400)
Lỗ khác				(204.750.380.800)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				1.799.286.900.289
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(393.496.576.363)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(60.289.118.117)
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				1.345.501.205.809
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chưa kiểm toán)				
Tài sản và nợ phải trả				46.427.544.502.056
Tài sản của bộ phận	44.906.906.577.574	1.520.637.924.482		46.427.544.502.056
Tài sản không phân bổ				27.873.959.220.523
Tổng tài sản				27.873.959.220.523
Nợ phải trả của bộ phận	27.614.395.911.035	259.563.309.488		27.873.959.220.523
Tổng nợ phải trả				27.873.959.220.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thành Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thương Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Handwritten signature



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

28-02-2026

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Số CT: 192015020083-C.T.H /SCT/BS
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026



Đoàn Nhật Tâm



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn